



Chất lượng tạo nên uy tín khác biệt

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**  
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HỒNG PHONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Cho năm tài chính 2020*

Được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

**Trụ sở chính:** Sàn KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN,  
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Tel:** (024) 44 500 668 - **Fax:** (024) 44 500 669

**Email:** thanglongkiemtoan@gmail.com

admin@thanglongtdk.com.vn

**Website:** www.thanglongtdk.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HỒNG PHONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Cho năm tài chính 2020*

Được kiểm toán bởi:

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1 – 2</b>
<b>2. Báo cáo kiểm toán</b>	<b>3 – 4</b>
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- <i>Bảng cân đối kế toán</i>	<b>5 – 6</b>
- <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<b>7</b>
- <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	<b>8</b>
- <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	<b>9 – 27</b>

**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong tiền thân là Công ty cổ phần Xi măng Lạng Sơn được, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900102650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 28/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/02/2021.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất xi măng.

Tên tiếng Anh: HONGPHONG CEMENT JOINT – STOCK COMPANY

Tên viết tắt : HCC

Mã chứng khoán: LCC (Upcom)

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 58.389.990.000 đồng (*Năm mươi tám tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính**

#### **Hội đồng quản trị Công ty**

Ông Trần Duyên Tùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Lợi	Phó Chủ tịch
Bà Lý Kim Anh	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Ông Trần Duyên Tùng	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Hoa	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Thủy	Trưởng BKS
Ông Lãng Hữu Khanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Trọng	Ủy viên

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán độc lập có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

#### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng ngoài sự kiện phát sinh sau năm tài chính nêu trên, không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 03 năm 2021

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Trần Duyên Tùng**





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

## THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
Tel: 024 44 500 668 / Fax: 024 44 500 669 / Website: <http://thanglongtdk.com.vn>  
Email: [thanglongkiemtoan@gmail.com](mailto:thanglongkiemtoan@gmail.com) / [admin@thanglongtdk.com.vn](mailto:admin@thanglongtdk.com.vn)

Số : /BCKT/TC/TL-TDK

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính năm 2020 của  
Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong*

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong được lập ngày 16 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Trong năm 2020 Công ty đang ghi nhận khấu hao tài sản cố định của Dây chuyền nghiền xi Hồng Phong giá trị là 48.602.444.459 đồng và công trình Dây chuyền nghiền đá Hồng Phong giá trị là 1.296.939.661 đồng chưa chính xác. Theo ước tính của chúng tôi chi phí khấu hao ghi nhận đúng theo quy định của chế độ kế toán của tài sản này trong năm 2020 là 3.369.856.930 đồng, lũy kế từ năm 2017 đến hết năm 2020 là 13.479.427.720 đồng.



- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty trích lập thiếu chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo ước tính của chúng tôi, giá trị cần trích lập bổ sung là 1.427.177.472 đồng. Nếu trích lập chi phí này thì kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2020 sẽ giảm với giá trị tương ứng là 1.427.177.472 đồng.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh:**

Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang bị lỗ lũy kế giá trị 657.656.433.343 đồng dẫn đến nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 471.192.068.025 đồng, lỗ lũy kế đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 596.033.823.928 đồng. Thực tế này cho thấy tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN TIẾN THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1706-2018-045-1

PHẠM MINH ĐỨC

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 4371-2018-045-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>29.646.834.128</b>	<b>37.317.690.803</b>
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.01</i>	<i>464.112.899</i>	<i>1.471.437.799</i>
1	Tiền	111		464.112.899	1.471.437.799
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.02</i>	-	-
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>14.704.210.872</i>	<i>16.357.900.000</i>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	14.363.478.168	16.243.978.433
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.160.567.900	983.567.900
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	60.672.247	35.300.000
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(880.507.443)	(904.946.333)
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>13.374.496.975</i>	<i>18.321.066.524</i>
1	Hàng tồn kho	141	V.07	13.374.496.975	18.321.066.524
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>1.104.013.382</i>	<i>1.167.286.480</i>
1	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.010.691.426	1.010.691.426
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	93.321.956	156.595.054
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>285.723.035.781</b>	<b>319.891.847.659</b>
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>187.531.000</i>	<i>907.531.000</i>
1	Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	187.531.000	907.531.000
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	<i>V.09</i>	<i>280.436.765.285</i>	<i>310.441.707.569</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	221		280.436.765.285	310.441.707.569
	- Nguyên giá	222		605.021.345.404	605.021.345.404
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(324.584.580.119)	(294.579.637.835)
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		-	-
<i>IV</i>	<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>3.745.356.351</i>	<i>3.745.356.351</i>
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	3.745.356.351	3.745.356.351
<i>V</i>	<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.02</i>	-	-
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.199.000.000	3.199.000.000
2	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.199.000.000)	(3.199.000.000)
<i>VI</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>1.353.383.145</i>	<i>4.797.252.739</i>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.353.383.145	4.797.252.739
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>315.369.869.909</b>	<b>357.209.538.462</b>



Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số: B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
<b>C</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>910.581.743.377</b>	<b>889.514.689.990</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>500.838.902.153</b>	<b>403.349.896.766</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	56.639.854.093	72.261.564.360
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.341.315.249	16.712.917.303
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	736.687.670	4.081.038.171
4	Phải trả người lao động	314		416.642.769	1.185.894.668
5	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	337.976.675.744	299.547.072.636
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	100.727.726.628	9.561.409.628
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>409.742.841.224</b>	<b>486.164.793.224</b>
1	Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	8.095.700.000	9.985.700.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	401.647.141.224	476.179.093.224
<b>D</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>(595.211.873.468)</b>	<b>(532.305.151.528)</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>(595.211.873.468)</b>	<b>(532.305.151.528)</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.389.990.000	58.389.990.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.389.990.000	58.389.990.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		85.000.000	85.000.000
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		3.117.410.786	3.117.410.786
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		852.159.089	852.159.089
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(657.656.433.343)	(594.749.711.403)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(594.749.711.403)	(566.736.865.976)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(62.906.721.940)	(28.012.845.427)
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>315.369.869.909</b>	<b>357.209.538.462</b>

Người lập biểu

Bùi Kim Oanh

Kế toán trưởng

Lý Kim Anh

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Duyên Tùng



Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số: B02-DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	56.032.398.102	125.535.246.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10		56.032.398.102	125.535.246.719
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	80.903.733.772	141.796.926.766
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(24.871.335.670)	(16.261.680.047)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	231.476	673.013
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	35.852.738.514	39.588.154.266
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		35.843.823.624	39.555.478.540
8. Chi phí bán hàng	25		16.515.220	308.806.887
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.088.544.916	(97.405.699)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(61.828.902.844)	(56.060.562.488)
11. Thu nhập khác	31	VI.05	39.260.936	29.927.715.418
12. Chi phí khác	32	VI.06	1.117.080.032	1.875.666.702
13. Lợi nhuận khác	40		(1.077.819.096)	28.052.048.716
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(62.906.721.940)	(28.008.513.772)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(62.906.721.940)	(28.008.513.772)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(10.774)	(4.797)

Người lập biểu

Bùi Kim Oanh

Kế toán trưởng

Lý Kim Anh

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Duyên Tùng

Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số: B03-DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	30.697.756.282	121.249.693.241
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(35.515.946.146)	(102.949.486.114)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.739.907.697)	(12.054.389.210)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	782.722.561	391.040.320
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.866.546.376)	(5.571.765.481)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(17.641.921.376)</b>	<b>1.065.092.756</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(13.299.526.237)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	29.100.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	231.476	673.013
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>231.476</b>	<b>15.801.146.776</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	22.455.000.000	30.990.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.820.635.000)	(50.072.404.579)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>16.634.365.000</b>	<b>(19.082.404.579)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.007.324.900)</b>	<b>(2.216.165.047)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.471.437.799	3.687.602.846
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	464.112.899	1.471.437.799

Người lập biểu

Bùi Kim Oanh

Kế toán trưởng

Lý Kim Anh

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Duyên Tùng



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*

Mẫu số: B09-DN

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong tiền thân là Công ty cổ phần Xi măng Lạng Sơn được, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900102650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 28/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/02/2021.

Tên tiếng Anh: HONGPHONG CEMENT JOINT – STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HCC

Mã chứng khoán: LCC (UpCom)

Công ty có trụ sở chính tại: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 58.389.990.000 đồng (*Năm mươi tám tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- ❖ Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (*mã ngành 2394 Chính*);
- ❖ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch, ngói (*mã ngành 2392*);
- ❖ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (*mã ngành 0810*);
- ❖ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (*mã ngành 0990*);
- ❖ Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (*mã ngành 2395*);
- ❖ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (*mã ngành 4663*);
- ❖ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô (*mã ngành 4933*);
- ❖ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (*mã ngành 4210*);
- ❖ Xây dựng công trình dân dụng khác (*mã ngành 4290*);
- ❖ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35KV (*mã ngành 4321*);
- ❖ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (*mã ngành 4659*);
- ❖ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (*mã ngành 5510*);
- ❖ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (*mã ngành 6810*).

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.



## **5. Nhân viên**

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty có 116 nhân viên chính thức làm việc

### **6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

Trong năm, Công ty đổi địa chỉ trụ sở chính từ đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn sang địa chỉ thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Doanh thu năm 2020 giảm 62,7% so với năm 2019 do trong năm 2020 đơn vị đơn vị quyết định dừng đốt lò nung Clanke từ tháng 04/2020 do ảnh hưởng của dịch Covid 19 và khó khăn về tài chính theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 20/06/2020. Đơn vị bị Cục thuế tỉnh Lạng Sơn thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo thông báo số 470/TB-CT ngày 01/06/2020 và thông báo hóa đơn tiếp tục được sử dụng theo thông báo số 763/TB-CT ngày 09/12/2020.

### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Các số liệu tương ứng của các năm trước so sánh được với số liệu của năm nay

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :**

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

## **IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

#### **Nguyên tắc xác định các khoản tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để



hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác:**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu của khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## **4. Tài sản cố định**

### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian trích khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| ❖ Nhà cửa, vật kiến trúc:         | 06 – 50 năm |
| ❖ Máy móc thiết bị:               | 08 – 15 năm |
| ❖ Phương tiện vận tải truyền dẫn: | 06 – 10 năm |
| ❖ Thiết bị dụng cụ quản lý:       | 05 – 10 năm |

## **5. Các khoản đầu tư tài chính**

### **Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá thực tế mua.



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số: B09-DN

**Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	=	Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế - Vốn chủ sở hữu thực có	x	$\frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$
--	---	--	---	--

**6. Chi phí trả trước**

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:** Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:****10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy theo số tiền thực tế thu được. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



- ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở hàng chuyển giao, dịch vụ đã hoàn thành và người mua chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**13. Các loại thuế khác:** Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước

## **14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Các bên liên quan:** Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số: B09-DN

Giao dịch với bên liên quan được trình bày trong phần thông tin khác của Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền</b>	<b>464.112.899</b>	<b>1.471.437.799</b>
Tiền mặt	462.163.019	53.422.314
Tiền gửi ngân hàng	1.949.880	1.418.015.485
- Ngân hàng Agribank Chi nhánh Lạng Sơn	1.212.280	1.417.015.479
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Cao Lộc	737.600	1.000.006
<b>Cộng</b>	<b>464.112.899</b>	<b>1.471.437.799</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

<i>Chi tiết:</i>	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty CP Xi măng Đồng Bành (*)	3.199.000.000	3.199.000.000	3.199.000.000	3.199.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.199.000.000</b>	<b>3.199.000.000</b>	<b>3.199.000.000</b>	<b>3.199.000.000</b>

(\*) Mua Cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành ("Xi măng Đồng Bành") chiếm 1,07% vốn điều lệ đăng ký; chiếm 1,07% vốn thực góp của cổ đông tại ngày 31/12/2020. Theo báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2020 của Xi măng Đồng Bành, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 lãi 42.329.675.740 đồng, nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 âm 572.352.990.277 đồng. Tại thời điểm 31/12/2020 Ban Giám đốc Công ty xác nhận khoản đầu tư này là không thể thu hồi được. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty quyết định giữ nguyên mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn 100% đối với khoản đầu tư này.

**03. Phải thu khách hàng***Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.214.093.802</b>	<b>16.243.978.433</b>
Công ty CP Bê Tông Lạng Sơn	-	1.909.685.635
Công ty CP Xi măng XDCT Cao Bằng	-	8.900.376.781
Phòng kinh tế & hạ tầng Lộc Bình	2.177.617.935	1.636.588.467
Phòng kinh tế & hạ tầng Cao Lộc	3.397.975.520	248.189.120
Phòng kinh tế & hạ tầng Đình Lập	2.731.266.180	15.024.214
Phòng kinh tế & hạ tầng Văn Lãng	2.329.399.050	-
Đối tượng khác	3.727.219.483	3.534.114.216

**04. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.160.567.900</b>	<b>983.567.900</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn mỏ	782.000.000	632.000.000
CTCP Cơ khí và Xây dựng phân đạm	342.500.000	322.500.000
Đối tượng khác	36.067.900	29.067.900

**05. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>60.672.247</b>	<b>34.800.000</b>	<b>35.300.000</b>	-
<i>Phải thu khác</i>	60.672.247	34.800.000	35.300.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>187.531.000</b>	-	<b>907.531.000</b>	-
<i>Ký quỹ bảo vệ môi trường rừng</i>	187.531.000	-	907.531.000	-
<b>Cộng</b>	<b>248.203.247</b>	<b>34.800.000</b>	<b>942.831.000</b>	-

**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**  
 Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số: B09-DN

06. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi					
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi; <i>Trên 3 năm</i>	880.507.443	-	880.507.443	904.946.333	-	-	904.946.333	-	904.946.333
Hợp tác xã Thành Công	880.507.443	-	880.507.443	904.946.333	-	-	904.946.333	-	904.946.333
Công ty CP XD Hạ Tầng KT Tổng CTXDKTSH	501.341.000	-	501.341.000	501.341.000	-	-	501.341.000	-	501.341.000
Các đối tượng nợ khác	209.588.225	-	209.588.225	209.588.225	-	-	209.588.225	-	209.588.225
	169.578.218	-	169.578.218	194.017.108	-	-	194.017.108	-	194.017.108
<b>Cộng</b>	<b>880.507.443</b>	<b>-</b>	<b>880.507.443</b>	<b>904.946.333</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>904.946.333</b>	<b>-</b>	<b>904.946.333</b>

07. Hàng tồn kho:	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng			
- Nguyên liệu, vật liệu;	5.965.867.071	-	-	2.706.197.972	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ;	3.543.417.635	-	-	5.376.597.838	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	958.759.013	-	-	6.541.851.742	-	-	-
- Thành phẩm;	2.906.453.256	-	-	3.696.418.972	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.374.496.975</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.321.066.524</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

		Mẫu số: B09-DN	
		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>08. Chi phí trả trước</b>		-	-
a) Ngắn hạn		1.353.383.145	4.797.252.739
b) Dài hạn		261.750.000	610.750.000
	Sửa chữa trạm biến áp nhà máy xi măng	66.666.667	226.666.667
	Sửa chữa máy nén khí; lắp tụ bù	943.960.367	3.959.836.072
	Chi phí thiết bị phục vụ sản xuất	81.006.111	-
	Các khoản khác	1.353.383.145	4.797.252.739
	<b>Cộng</b>	<b>1.353.383.145</b>	<b>4.797.252.739</b>

**09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	279.166.464.727	324.160.178.073	524.999.562	1.169.703.042	605.021.345.404
Số dư cuối năm	279.166.464.727	324.160.178.073	524.999.562	1.169.703.042	605.021.345.404
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	98.509.118.748	194.574.783.226	487.056.237	1.008.679.624	294.579.637.835
- Khấu hao trong năm	12.361.212.636	17.588.637.984	5.546.004	49.545.660	30.004.942.284
Số dư cuối năm	110.870.331.384	212.163.421.210	492.602.241	1.058.225.284	324.584.580.119
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	180.657.345.979	129.585.394.847	37.943.325	161.023.418	310.441.707.569
2. Tại ngày cuối năm	168.296.133.343	111.996.756.863	32.397.321	111.477.758	280.436.765.285



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số: B09-DN

**10. Tài sản dở dang dài hạn****Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng Kho mìn, bể chứa, cây Dầu	2.583.598.260	2.583.598.260
Gói thầu đầu tư 3.2: Mỏ Lũng Tém II	1.161.758.091	1.161.758.091
<b>Cộng</b>	<b><u>3.745.356.351</u></b>	<b><u>3.745.356.351</u></b>

Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 và khó khăn về mặt tài chính nên hoạt động xây dựng cơ bản của Công ty trong năm 2020 đang tạm dừng không thực hiện.

**11. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số khả năng trả nợ</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>56.639.854.093</b>	<b>56.639.854.093</b>	<b>72.261.564.360</b>	<b>72.261.564.360</b>
Công ty CP gạch ngói Hợp Thành	10.833.319.609	10.833.319.609	22.864.661.457	22.864.661.457
Công ty Quang Long TNHH	8.659.289.882	8.659.289.882	7.012.335.912	7.012.335.912
Công ty CP cơ khí XD AMECC	5.656.673.430	5.656.673.430	5.656.673.430	5.656.673.430
Công ty TNHH xây dựng Đô Thành	3.405.829.073	3.405.829.073	4.863.095.262	4.863.095.262
Công ty TNHH NN MTV XLHC Hà Bắc	-	-	5.021.080.140	5.021.080.140
Công ty CP ĐT & XD số 18.3	3.964.022.885	3.964.022.885	3.964.022.885	3.964.022.885
Đối tượng khác	24.120.719.214	24.120.719.214	22.879.695.274	22.879.695.274
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>56.639.854.093</u></b>	<b><u>56.639.854.093</u></b>	<b><u>72.261.564.360</u></b>	<b><u>72.261.564.360</u></b>

**12. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.341.315.249</b>	<b>16.712.917.303</b>
Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Nguyễn Trung	-	2.030.066.577
Sở Giao Thông Vận Tải Lạng Sơn	-	3.421.223.313
Công ty TNHH Hùng Dũng	-	1.520.000.000
Công ty TNHH Thương mại vận tải Hồng Linh	-	3.160.000.000
Đại lý Lan Chung	1.739.000.000	2.100.000.000
Công ty CP T.mại & đầu tư XD Dung Linh	469.523.932	-
Đại lý - Nguyễn Văn Vang	462.500.000	-
Toàn Văn Diện	1.139.600.000	-
Đối tượng khác	530.691.317	4.481.627.413
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>		
Trần Duyên Tùng	-	187.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.341.315.249</u></b>	<b><u>16.712.917.303</u></b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	736.687.670	-	1.694.746.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.321.956	-	93.321.956	-
Thuế nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	708.461	-	-
Thuế tài nguyên	-	1.422.788.778	-	1.272.883.807
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	706.976.593	-	568.988.113
Các loại thuế khác	-	897.312.675	63.273.098	-
Phí và lệ phí	-	649.427.602	-	544.419.890
<b>Cộng</b>	<b>93.321.956</b>	<b>736.687.670</b>	<b>156.595.054</b>	<b>4.081.038.171</b>

**14. Phải trả khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số khả năng trả nợ	Giá trị	Số khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>337.976.675.744</b>	<b>337.976.675.744</b>	<b>299.547.072.636</b>	<b>299.547.072.636</b>
- Bảo hiểm xã hội thành phố Lạng Sơn	1.319.710.281	1.319.710.281	1.513.700.846	1.513.700.846
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn	327.796.848.351	327.796.848.351	291.953.024.727	291.953.024.727
- Phải trả về cổ phần hóa	6.004.524.166	6.004.524.166	6.004.524.166	6.004.524.166
- Công ty CP Lisemco 2 (1)	1.080.000.000	1.080.000.000	-	-
- Công ty CP Công nghiệp Xây dựng 204 (2)	810.000.000	810.000.000	-	-
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	922.671.306	922.671.306	-	-
- Các đối tượng khác	42.921.640	42.921.640	75.822.897	75.822.897
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.095.700.000</b>	<b>8,095,700,000</b>	<b>9,985,700,000</b>	<b>9,985,700,000</b>
Công ty CP Lisemco 2 (1)			1.080.000.000	1.080.000.000
Công ty CP Công nghiệp Xây dựng 204 (2)			810.000.000	810.000.000



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

	<i>Mẫu số: B09-DN</i>	
Công ty TNHH MTV Khảo sát và Xây dựng (3)	200.700.000	200.700.000
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (4)	795.000.000	795.000.000
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công Nghiệp MIE (5)	7.100.000.000	7.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>346.072.375.744</b>	<b>309.532.772.636</b>

(1) Công ty Cổ phần Lisemco 2 góp vốn hợp tác kinh doanh cùng Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong "LCC" với mục đích góp vốn thực hiện "Dự án đầu tư xây dựng công trình chuyển đổi công nghệ lò quay nhà máy xi măng Hồng Phong - Lạng Sơn"; Số tiền cam kết góp vốn là 1.080.000.000 đồng; Thời gian tham gia góp vốn đến 31/12/2021; Lisemco 2 sẽ hưởng lợi tức trên kết quả kinh doanh thực tế của LCC hàng năm; Sau thời hạn góp vốn LCC có trách nhiệm hoàn trả 100% giá trị vốn góp cho Lisemco 2.

(2) Công ty Cổ phần công nghiệp xây dựng 204 ("Công ty 204") cam kết góp vốn hợp tác kinh doanh cùng Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong ("LCC") với mục đích góp vốn thực hiện "Dự án đầu tư xây dựng công trình chuyển đổi công nghệ lò quay nhà máy xi măng Hồng Phong - Lạng Sơn"; Số tiền cam kết góp vốn là 1.152.766.782 đồng; Thời gian tham gia góp vốn 9 năm kể từ tháng 12/2012; Công ty 204 sẽ hưởng lợi tức trên kết quả kinh doanh thực tế của LCC hàng năm; Sau thời hạn góp vốn LCC có trách nhiệm hoàn trả 100% giá trị vốn góp cho Công ty 204.

(3) Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng - Trung tâm Công nghệ khoan ("TT Công nghệ khoan") cam kết góp vốn hợp tác kinh doanh cùng Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong ("LCC") với mục đích góp vốn thực hiện "Dự án đầu tư xây dựng công trình chuyển đổi công nghệ lò quay nhà máy xi măng Hồng Phong - Lạng Sơn"; Số tiền cam kết góp vốn là 402.000.000 đồng; Thời gian tham gia góp vốn 10 năm kể từ tháng 01/2013; TT Công nghệ khoan sẽ hưởng lợi tức trên kết quả kinh doanh thực tế của LCC hàng năm; Sau thời hạn góp vốn LCC có trách nhiệm hoàn trả 100% giá trị vốn góp cho TT Công nghệ khoan.

(4) Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc ("Cơ khí XD số 2 Hà Bắc") góp vốn hợp tác kinh doanh cùng Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong ("LCC") với mục đích góp vốn thực hiện "Dự án đầu tư xây dựng công trình chuyển đổi công nghệ lò quay nhà máy xi măng Hồng Phong - Lạng Sơn"; Thời gian tham gia góp vốn 10 năm kể từ tháng 01/2013; Cơ khí XD số 2 Hà Bắc sẽ hưởng lợi tức trên kết quả kinh doanh thực tế của LCC hàng năm; Sau thời hạn góp vốn LCC có trách nhiệm hoàn trả 100% giá trị vốn góp cho Cơ khí XD số 2 Hà Bắc..

(5) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/HĐ-MIE-LS ngày 15/01/2013 giữa Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp và Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong ("LCC"), thời gian vay 10 năm, mục đích vay: Đầu tư xây dựng Dự án nhà máy xi măng Hồng Phong - Lạng Sơn, hạn mức cam kết cho vay 8.400.000.000 đồng, thanh toán gốc sau 10 năm kể từ ngày Hợp đồng tín dụng có hiệu lực, LCC thanh toán lãi cùng thời điểm với thanh toán gốc, lãi suất căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của LCC nhưng không vượt quá tỷ lệ chia cổ tức hàng năm của LCC.



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số: B09-DN

**15. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>100.727.726.628</b>	<b>100.727.726.628</b>	<b>99.245.000.000</b>	<b>8.078.683.000</b>	<b>9.561.409.628</b>	<b>9.561.409.628</b>
Vay ngắn hạn các bên liên quan	91.597.726.628	91.597.726.628	90.115.000.000	8.078.683.000	9.561.409.628	9.561.409.628
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan (1)	84.315.000.000	84.315.000.000	84.315.000.000	-	-	-
Vay các đối tượng khác	16.412.726.628	16.412.726.628	14.930.000.000	8.078.683.000	9.561.409.628	9.561.409.628
BIDV Chi nhánh Lạng Sơn (2)	1.482.726.628	1.482.726.628	-	8.078.683.000	9.561.409.628	9.561.409.628
Công ty Cổ phần gạch ngói Hợp Thành (3)	5.800.000.000	5.800.000.000	5.800.000.000	-	-	-
Nguyễn Văn Sơn (4)	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	-	-	-
Toàn Văn Điện (5)	3.530.000.000	3.530.000.000	3.530.000.000	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>401.647.141.224</b>	<b>401.647.141.224</b>	<b>29.767.916.000</b>	<b>104.299.868.000</b>	<b>476.179.093.224</b>	<b>476.179.093.224</b>
Vay dài hạn các bên liên quan	13.172.916.000	13.172.916.000	7.312.916.000	84.315.000.000	90.175.000.000	90.175.000.000
Ông Trần Duyên Tùng (6)	5.140.000.000	5.140.000.000	-	-	5.140.000.000	5.140.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan (7)	8.032.916.000	8.032.916.000	7.312.916.000	84.315.000.000	85.035.000.000	85.035.000.000
Vay các đối tượng khác	388.474.225.224	388.474.225.224	22.455.000.000	19.984.868.000	386.004.093.224	386.004.093.224
BIDV Chi nhánh Lạng Sơn (8)	359.999.225.224	359.999.225.224	-	1.554.868.000	361.554.093.224	361.554.093.224
Bà Trần Thị Thu Huyền (9)	8.270.000.000	8.270.000.000	5.650.000.000	-	2.620.000.000	2.620.000.000
Ông Nguyễn Văn Khôi (10)	8.560.000.000	8.560.000.000	5.160.000.000	500.000.000	3.900.000.000	3.900.000.000
Ông Đinh Trọng Sỹ (11)	3.700.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Sơn (4)	3.520.000.000	3.520.000.000	3.520.000.000	7.600.000.000	7.600.000.000	7.600.000.000
Ông Toàn Văn Điện (5)	4.425.000.000	4.425.000.000	4.425.000.000	4.530.000.000	4.530.000.000	4.530.000.000
Công ty Cổ phần gạch ngói Hợp Thành (3)	-	-	-	5.800.000.000	5.800.000.000	5.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>502.374.867.852</b>	<b>502.374.867.852</b>	<b>129.012.916.000</b>	<b>112.378.551.000</b>	<b>485.740.502.852</b>	<b>485.740.502.852</b>



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

**Mẫu số: B09-DN**

(1) Vay bà Nguyễn Thị Ngọc Lan theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐGV-2017 ngày 01/01/2017, mục đích: bổ sung vốn lưu động, đầu tư tài sản, thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay 0%/năm;

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2017/704631/HĐTD ngày 13 tháng 10 năm 2017; Hạn mức cấp tín dụng là 45.000.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2018. Lãi suất vay theo quy định của BIDV. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Năm 2020, BIDV Chi nhánh Lạng Sơn không cấp hạn mức tín dụng cho Công ty do Công ty không đáp ứng được các điều kiện về tín dụng.

(3) Vay Công ty cổ phần gạch ngói Hợp Thành theo hợp đồng vay vốn số 05/HĐVV-2017 ngày 20/7/2017, số tiền 3.800.000.000 đồng, lãi suất vay 0% tháng. Thời hạn 12 tháng. Mục đích: vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Hợp đồng nguyên tắc vay vốn số 01/2018-HĐVV ngày 28/06/2018, số tiền: 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0%/tháng, thời hạn: 24 tháng. Mục đích: vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh."

(4) Vay Ông Nguyễn Văn Sơn theo hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV-2017 ngày 01/02/2017 với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 0%/năm. Hạn mức vay 10.000.000.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2020, số nợ vay ngắn hạn: 5.600.000.000 đồng, số nợ vay ngắn hạn: 3.520.000.000 đồng.

(5) Khoản vay ông Toàn Văn Diện theo Hợp đồng vay vốn số 03/2019- HĐVV ngày 18/02/2019 với mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 24 tháng với lãi suất 0%/năm. Hạn mức vay 10.000.000.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2020, số nợ vay ngắn hạn: 3.530.000.000 đồng, số nợ vay dài hạn: 4.425.000.000 đồng.

(6) Vay Ông Trần Duyên Tùng theo hợp đồng tín dụng số 03/2018-HĐVV ngày 18/09/2018, mục đích: bổ sung vốn lưu động, đầu tư tài sản. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 0%/tháng. Hạn mức vay 10.000.000.000 đồng. Phụ lục gia hạn hợp đồng số 01-03/PLHĐVV-2020, ngày 20/09/2020, gia hạn hợp đồng vay số 03/2018-HĐVV thêm 24 tháng từ 20/09/2020 đến 20/09/2022

(7) Vay bà Nguyễn Thị Ngọc Lan theo:

- Hợp đồng vay tiền ngày 03/08/2018, mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Số tiền: 720.000.000 đồng. Kỳ hạn: 24 tháng. Lãi suất: 0%/năm. Phụ lục hợp đồng số 01-06/PLHĐVV -2020 ngày 03/08/2020 về việc gia hạn thêm 36 tháng cho hợp đồng số 06/HĐVV-2018 từ ngày 03/08/2020 đến ngày 03/08/2023.

- Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐVT-2020, ngày 28/07/2020, số tiền vay 7.312.916.000 đồng, mục đích: vay tiền trả nợ gốc vay ngân hàng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất: 0%/năm.

(8) Vay dài hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 9999/2009/HĐ ngày 20/5/2009 để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng Dự án chuyển đổi công nghệ lò quay công suất 350.000 tấn/ năm tại nhà máy xi măng Hồng Phong - Lạng Sơn. Hạn mức tín dụng là 460.106.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa là 12 năm. Lãi suất vay trong năm từ 9-10%. Tài sản đảm bảo là: toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai bằng nguồn vốn tự có, vốn huy động khác của bên vay và vốn vay BIDV) và quyền khai thác các mỏ tài nguyên được cơ quan có thẩm quyền cấp để phục vụ cho việc vận hành dự án.

Ngày 09/03/2015, BIDV ban hành công văn số 1035/BIDV-QLRRTD v/v phê duyệt lại khoản vay dài hạn của hợp đồng nêu trên. Theo đó:

+ Phê duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ số tiền 418.634.000.000 VND nợ gốc và 107.682.000.000 VND nợ lãi phát sinh từ hợp đồng nêu trên.

+ Gia hạn thời gian cho vay lên 20 năm, lịch trả nợ mới do BIDV - Chi nhánh Lạng Sơn và Công ty thống nhất lại.



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số: B09-DN

(9) Hợp đồng nguyên tắc vay vốn số 04/2018-HĐVV, ngày 26/12/2018, hạn mức vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn 6 tháng, lãi suất 0%. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Phụ lục hợp đồng tăng hạn mức vay số 01/04/PLHĐVV-2019 ngày 25/11/2019, tăng hạn mức vay của hợp đồng số 04/2018-HĐVV từ 2.000.000.000 đồng lên 5.000.000.000 đồng.

Phụ lục hợp đồng tăng hạn mức vay và gia hạn hợp đồng vay số 02-04/PLHĐVV-2020 ngày 02/07/2020, tăng hạn mức vay của hợp đồng 04/2018-HĐVV và phụ lục hợp đồng số 01-04/PLHĐ từ 5.000.000.000 đồng lên 10.000.000.000 đồng. Gia hạn thêm 36 tháng hợp đồng 04/2018- HĐVV từ 26/12/2020 đến 26/12/2020

(10) Vay ông Nguyễn Văn Khôi theo Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV-2019 ngày 25/02/2019 với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 24 tháng với lãi suất 0%/năm. Hạn mức vay 10.000.000.00

(11) Vay ông Đinh Trọng Sỹ theo Hợp đồng nguyên tắc vay vốn số 01/2020 - HĐVV, ngày 10/07/2020 với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn 24 tháng, lãi suất 0%/năm. Hạn mức vay 10.000.000.000 đồng.

**16 Vốn chủ sở hữu****16.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	58.389.990.000	85.000.000	3.117.410.786	852.159.089	(566.736.865.976)	(504.292.306.101)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(28.008.513.772)	(28.008.513.772)
Số dư cuối năm trước	58.389.990.000	85.000.000	3.117.410.786	852.159.089	(594.749.711.403)	(532.300.819.873)
Số dư đầu năm nay	58.389.990.000	85.000.000	3.117.410.786	852.159.089	(594.749.711.403)	(532.305.151.528)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(62.906.721.940)	(62.906.721.940)
Số dư cuối năm nay	58.389.990.000	85.000.000	3.117.410.786	852.159.089	(657.656.433.343)	(595.211.873.468)



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số: B09-DN

**16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Văn Lợi	38,78%	22.646.500.000	22.646.500.000
Ông Nguyễn Văn Thủy	22,05%	12.874.880.000	12.874.880.000
Ông Nguyễn Văn Thắng	21,50%	12.553.000.000	12.553.000.000
Đối tượng khác	17,67%	10.315.610.000	10.315.610.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>58.389.990.000</b>	<b>58.389.990.000</b>

**16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Vốn góp đầu năm	58.389.990.000	58.389.990.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	58.389.990.000	58.389.990.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	56.032.398.102	125.475.246.719
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	60.000.000
<b>Cộng</b>	<b>56.032.398.102</b>	<b>125.535.246.719</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm đã bán	80.903.733.772	141.796.926.766
<b>Cộng</b>	<b>80.903.733.772</b>	<b>141.796.926.766</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	231.476	673.013
<b>Cộng</b>	<b>231.476</b>	<b>673.013</b>

**04. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	35.843.823.624	39.555.478.540
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8.914.890	32.675.726
<b>Cộng</b>	<b>35.852.738.514</b>	<b>39.588.154.266</b>

**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số: B09-DN

**05. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhà nước hỗ trợ di chuyển, GPMB	-	711.723.356
Ngân hàng BIDV Chi nhánh Lạng Sơn xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 08/01/HĐTC ký ngày 06/05/2008	-	29.100.000.000
Thu nhập từ bán phế liệu	-	76.090.909
Giảm các khoản thuế phải nộp theo văn bản 1431/CT-QLN ngày 25/12/2020	39.260.936	-
Thu nhập khác	-	39.901.153
<b>Cộng</b>	<b><u>39.260.936</u></b>	<b><u>29.927.715.418</u></b>

**06. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	1.741.705.263
Lãi chậm nộp BHXH	67.791.720	78.215.597
Ấn phí	126.776.163	-
Phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp	905.385.431	55.745.842
Chi phí khác	17.126.718	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.117.080.032</u></b>	<b><u>1.875.666.702</u></b>

**07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(62.906.721.940)	(28.008.513.772)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	9.174.171.205	-
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	973.177.151	-
Thanh toán hóa đơn trên 20 triệu bằng tiền mặt	8.150.994.054	-
Nộp quỹ phúc lợi huyện Cao Lộc	50.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	(53.732.550.735)	(28.008.513.772)
Thuế TNDN phải nộp	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu****08a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(62.906.721.940)	(28.008.513.772)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	5.838.999	5.838.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(10.774)	(4.797)

**08b. Cổ phiếu Công ty**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.838.999	5.838.999
Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	5.838.999	5.838.999



**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tênh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số: B09-DN

+ Cổ phiếu phổ thông	5.838.999	5.838.999
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.838.999	5.838.999
+ Cổ phiếu phổ thông	5.838.999	5.838.999
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

<b>08c. Mệnh giá</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)	
			Năm nay	Năm trước
Ông Trần Duyên Tùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cho Công ty vay tiền	-	5.920.000.000
		Công ty trả tiền vay	-	2.780.000.000
		Mua hàng Công ty	187.500.000	3.809.500.000
		Thu nhập trong năm	70.992.431	-
Bà Vũ Thị Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập trong năm	76.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Vợ của Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cho Công ty vay tiền	7.312.916.000	-
Bà Lý Kim Anh	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Thu nhập trong năm	66.100.737	-

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư (VND)	
			Năm nay	Năm trước
Ông Trần Duyên Tùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty phải trả tiền vay	5.140.000.000	5.140.000.000
		Trả trước tiền mua hàng Công ty	-	187.500.000
Bà Vũ Thị Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Công ty phải trả	9.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Vợ của Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty phải trả tiền vay	92.347.916.000	85.035.000.000
Bà Lý Kim Anh	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Công ty phải trả	7.844.589	-

**Công ty Cổ phần Xi măng Hồng Phong**

Địa chỉ: Thôn Tềnh Chè, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Mẫu số: B09-DN

**2. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

Một số chỉ tiêu được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	(4.331.655)	-	(4.331.655)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(594.745.379.748)	(594.749.711.403)	4.331.655
Cộng		(594.749.711.403)	(594.749.711.403)	-

**3. Thông tin về hoạt động kinh doanh liên tục**

Ban Giám đốc khẳng định rằng Công ty đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và không có ý định thu hẹp quy mô sản xuất trong tương lai. Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 được lập trên giả định hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Bùi Kim Oanh

Kế toán trưởng



Lý Kim Anh

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Duyên Tùng



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**  
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

---

**CÁC CHI NHÁNH:**

- 1. Chi nhánh miền Nam**  
C14, Quang Trung, phường 11,  
quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
- 2. Chi nhánh Đà Nẵng**  
Số 42, Trần Tống, phường Thạc Gián,  
quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.
- 3. Chi nhánh Hà Nội**  
Số 97, ngõ 141, phố Giáp Nhị, phường Thịnh Liệt,  
quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.
- 4. Chi nhánh miền Bắc**  
Số 6, ngõ 92, phố Kim Giang, phường Kim Giang,  
quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
- 5. Chi nhánh khu vực miền Bắc**  
Lô 3-BT1, khu đô thị Nam Sông Lạch Tray, phường Anh Dũng,  
quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng.
- 6. Chi nhánh Đông Bắc**  
Số 319 đường Bà Triệu, phường Vĩnh Trại,  
TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
- 7. Chi nhánh Hà Thành**  
Số 9 Ngõ 63 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung,  
quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
- 8. Chi nhánh Long Biên**  
Số nhà 01/53/49/2 đường Đức Giang, phường Đức Giang,  
quận Long Biên, TP. Hà Nội.